

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ/ NET ASSET VALUE OF THE FUND

Tại ngày 31 tháng 07 năm 2014/ As of 31 July 2014

Tên công ty quản lý quỹ/ Fund Management Company name: **Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments/ Eastspring Investments Fund Management Company**

Tên ngân hàng giám sát/ Supervising bank name: **Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)/ HSBC Bank (Vietnam) Ltd**

Tên Quỹ/ Fund name: **Quỹ đầu tư năng động Eastspring Investments Việt Nam/ Eastspring Investments Vietnam Navigator Fund (ENF)**

Ngày định giá/ Valuation date: **01/08/2014**

Ngày giao dịch/ Dealing date: **01/08/2014**

Tên Quỹ/ Fund Name	Phí phát hành (% giá trị giao dịch)/ Subscription fee (% transaction amount)	Phí mua lại (% giá trị giao dịch)/ Redemption fee (% transaction amount)	GTTSR trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá/ NAV per unit at valuation date	GTTSR trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước/ NAV per unit last valuation date	Thay đổi GTTSR trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%)/ Change in NAV per unit as compared to the last period	Biến động GTTSR trên một đơn vị quỹ trong năm/ Changes in NAV per unit during 1 year		Tỷ lệ sở hữu của NĐTNN/ Foreign investors' ownership ratio		
						Mức cao nhất/ Highest level (VND)	Mức thấp nhất/ Lowest level (VND)	Số lượng đơn vị quỹ/ Number of fund units	Tổng giá trị tại ngày giao dịch/ Total value on dealing date	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio
ENF	0-3% (*)	0.00%	10,152	10,233	-0.79%	10,233	9,358	5,301,558.61	53,821,423,009	79.77%

Ghi chú/ Note:

(*): Phí phát hành trong khi IPO: do Đại lý Phân phối ấn định nhưng không vượt quá 2%/Subscription fee during IPO: quoted by Distributor, but not higher than 2%

Phí phát hành sau IPO: do Đại lý Phân phối ấn định nhưng không vượt quá 3%/Subscription fee after IPO: quoted by Distributor, but not higher than 3%

Ngân hàng giám sát/ Supervising bank

(Đã ký và đóng dấu)

Công ty quản lý quỹ/ Fund Management company
Tổng giám đốc/ Chief Executive Officer

(Đã ký và đóng dấu)